TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HSST
Ngày: 10/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng;

Ông Đặng Tiến Công;

Ông Nguyễn Đình Phùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhA dA tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

TRƯƠNG HẢI A, sinh ngày 27/01/1974 tại thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 2, khu vực 5, phường Nh, TP. Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định; trình độ văn hóa: 12/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; có vợ: Phan Thị Vũ V, sinh năm 1975 và có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam ngày 29/5/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Nguyễn Thế V, Luật sư hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV Nam Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Chị Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1970; cư trú tại số nhà 17 đường P, phường Đ, TP. Q, tỉnh Bình Định; có mặt;

+ Anh Võ Công T, sinh năm 1974; cư trú tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt;

+ Chị Trần Thị D, sinh năm 1979; cư trú tại số nhà 106 đường B, phường T, TP. Q, tỉnh Bình Định; có đơn vắng mặt;

+ Chị Trần Thị Bạch M, sinh năm 1977; cư trú tại số nhà 10 đường L, TP. Q, tỉnh Bình Định; có đơn vắng mặt;

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm 1971; cư trú tại số nhà 96/14 đường L, phường N, TP. N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phan Thị Vũ V, sinh năm 1975; cư trú tại số nhà 88 đường L, phường P, quận H, thành phố H; có đơn vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; cư trú tại tổ 2, KV5, phường Nh, Tp Q, tỉnh Bình Định; có mặt;

+ Bà M Thùy L, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú tại số 39 - 40F cư xá B, ấp H, xã B, huyện H, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 6 ở xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hải A đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc tổ 2, khu vực 5, phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Từ tháng 02/2015 đến tháng 09/2017, A giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định. Từ tháng 10/2017 đến ngày 25/9/2019, A là Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2019 đến ngày 25/9/2019, A tự ý nghỉ, không đến cơ quan làm việc. Ngày 25/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ký Quyết định số 3427/QĐ-UBND kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với Trương Hải A. Ngày 25/12/2019, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định có Quyết định số 1591-QĐ/TU thi hành kỷ luật Đảng đối với Trương Hải A bằng hình thức: Khai trừ ra khỏi Đảng.

Năm 2009, Trương Hải A mua đấu giá lô đất số 06, Khu quy hoạch dA cư Đông đường Võ Thị S (thuộc phường Nhơn Bình, thành phố Q, tỉnh Bình Định), được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 616064 ngày 24/8/2009. Ngày 02/12/2010, A thế chấp lô đất để vay tại Ngân hàng BIDV -

Chi nhánh Bình Định số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 23/01/2013, A chuyển sang thế chấp lô đất này tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Bình Định để vay số tiền 600.000.000 đồng. Tháng 09/2014, Trương Hải A mua trả góp căn hộ C01 - 09 Chung cư Hoàng Anh Gia Lai (thuộc phường H, thành phố Q, Bình Định) bằng hình thức vay trả góp tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định thời hạn 10 năm, tài sản thế chấp bằng chính căn hộ này. Từ tháng 09/2014, hàng tháng A phải trả cho Ngân hàng số tiền khoảng 30.000.000 đồng/tháng cho 02 khoản vay nêu trên. Trong khi thu nhập của vợ chồng A chỉ từ lương, với số tiền chưa đến 20.000.000 đồng/tháng nên A nảy sinh ý định mua bán bất động sản nhằm tăng thêm thu nhập để có tiền trả nợ và trang trải cuộc sống.

Để có tiền mua bán, A huy động của Nguyễn Thanh B số tiền 400.000.000 đồng lấy lý do góp vốn kinh doanh, với thỏa thuận đầu tư trong khoảng thời gian 02 tháng và hưởng lợi nhuận 20% trên số tiền góp vốn. Đồng thời, A vay của Nguyễn Thị Phương H số tiền 400.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu T số tiền 500.000.000 đồng, Huỳnh Thị Hồng Đ số tiền 300.000.000 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng và một số người khác. Từ tháng 01/2015, hàng tháng A phải trả lãi cho các khoản vay tại Ngân hàng và số người nêu trên với tổng số tiền khoảng 170.000.000 đồng/tháng. Lúc này, các khoản thu nhập từ lương và lợi nhuận thu được từ mua bán bất động sản không đủ để A trả lãi cho các khoản vay. Do đó khi đến định kỳ trả nợ, A tiếp tục vay các khoản mới để trả nợ tiền gốc và lãi các khoản vay cũ dẫn đến việc A nợ tiền của nhiều người với số tiền ngày càng lớn.

Trước áp lực vì phải trả số tiền lãi cao, nên ngày 16/02/2016, A tiếp tục thế chấp căn nhà đứng tên bà Nguyễn Thị V (mẹ ruột A - ở Tổ 2, khu vực 5, phường Nh, thành phố Q) tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng vay số 01/2016/309228/HĐTD, vay số tiền 800.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 06/05/2016, Phan Thị Vũ V (vợ của A) bán căn nhà số 43/1 đường Nguyễn Du, thành phố Q (đứng tên V) với số tiền 1.050.000.000 đồng và giao cho A để kinh doanh bất động sản nhưng thực tế A sử dụng để trả nợ. Ngày 29/06/2016, A bán lô đất số 06, khu quy hoạch dân cư Đông đường Võ Thị S (thuộc phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định) cho Huỳnh Thị Thanh H để lấy tiền trả nợ. Sau khi bán hết tài sản nêu trên, A vẫn còn nợ NgA hàng 02 khoản vay với số tiền khoảng 1.500.000.000 đồng, nợ của các cá nhA cho vay với số tiền khoảng 3.000.000.000 đồng và lãi hàng tháng phải trả với số tiền khoảng 230.000.000 đồng.

Từ tháng 06/2016, Trương Hải A xác định hoàn toàn mất khả năng trả nợ. Do đó, khi đến định kỳ trả lãi và gốc của các khoản vay, A huy động tiền của nhiều người, bằng cách sử dụng thủ đoạn gian dối "*thỏa thuận lãi suất cao, thời gian vay ngắn để vay các khoản mới*" hoặc "*kêu gọi hợp tác đầu tư mua bán bất động sản có*

thỏa thuận trước về thời hạn trả, lợi nhuận được hưởng để huy động tiền" rồi dùng để trả nợ tiền gốc và lãi các khoản vay cũ hoặc "*lấy lý do đang có hoạt động kinh doanh, tiếp tục thỏa thuận lãi suất để vay lại khoản vay cũ*" rồi dùng chính số tiền gốc này để trả lãi.

Để tạo niềm tin cho mọi người về hoạt động kinh doanh thuận lợi, mua sắm được tài sản. Ngày 17/05/2017, Trương Hải A nhờ Công ty TNHH kiến tạo xây dựng A&C của vợ chồng Nguyễn Quốc V, Trần Xuân H (ở số 05, đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Q, Bình Định) mua trả góp xe ôtô hiệu PEUGEOT BKS 77A - 078.01, bằng hình thức thế chấp tài sản chính xe ôtô tại Ngân hàng VIB - Chi nhánh Bình Định để vay số tiền 580.000.000 đồng, phải trả lãi và gốc số tiền 14.000.000 đồng/tháng.

Khoảng đầu tháng 05/2017, A quen biết Trần Văn Tr (SN 1979 - ở Tấn Thạnh Bắc, phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định). A cho Trấn biết đang tìm nguồn vốn ODA để vay số tiền lớn nhưng lãi suất thấp để triển khai xây dựng dự án "*Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi*". Nghe vậy, Trấn nói có biết thông tin một đơn vị nước ngoài cho vay vốn nên A đề nghị Trấn giới thiệu để A tiếp cận nguồn vốn vay vốn. Cuối tháng 05/2017, Trấn giới thiệu A đến TPHCM gặp Nguyễn Văn H, tự giới thiệu là Trưởng đại diện Việt Nam của Tập đoàn thương mại tài chính toàn cầu SBYNA GLOBAL – USA (có địa chỉ: ở Ấp Gò Lức, xã TA Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Tại đây, A trình bày cho H về dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Định. Sau khi nghe xong, H đồng ý giúp A tìm kiếm nguồn vốn đầu tư và yêu cầu A lập hồ sơ dự án để H trình cho bên cấp vốn xem xét. Khoảng đầu tháng 06/2017, H điện thoại thông báo cho A biết lãnh đạo Tập đoàn tài chính toàn cầu SBYNA đồng ý cho dự án của A vay số tiền 84.000.000 USD nhưng với điều kiện chủ đầu tư dự án phải có vốn đối ứng 01% với số tiền 840.000 USD (khoảng 20.000.000.000 đồng). Khi A nói không có tiền vốn đối ứng thì H gợi ý giải pháp là A giao số tiền 2.000.000.000 đồng để H lo thủ tục cho đơn vị cấp vốn bỏ qua phần vốn đối ứng. Nghe vậy, A đồng ý.

Sau đó, A đến TPHCM gặp H thì được H giao cho một bản thảo "*Hợp đồng ghi nhớ"* bằng tiếng Việt chưa ghi *ngày/tháng/năm,* thể hiện nội dung "*Bên A cho vay*" là Tập đoàn Tài chính toàn cầu SBYNA cho "*Bên B*" là Công ty TNHH Tổng hợp DV - TM Hải An (do A thành lập ngày 30/08/2016) vay số tiền 84.000.000 USD nhưng chưa có chữ ký của Bên A cho vay. H yêu cầu A mang "*Hợp đồng ghi nhớ*" về cho người đại diện Công ty Hải An ký để giao lại cho H cùng số tiền 2.000.000.000 đồng.

Để có tiền giao cho H, ngoài việc A lấy lý do kêu gọi góp vốn đầu tư bất động sản để huy động tiền người khác thì A còn nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của

Huỳnh T Thanh Hg để đáo hạn nhằm nâng hạn mức vay thế chấp tài sản tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định. Do đó, A dùng thủ đoạn gian dối thỏa thuận lãi suất vay và thời hạn trả nợ sau 07 ngày để huy động tiền của Huỳnh T Thanh Hg số tiền 600.000.000 đồng. Tin tưởng A vay để đáo hạn ngA hàng rồi trả lại tiền sau 07 ngày là thật nên ngày 06/07/2017, Thanh Hg giao cho A số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Thanh Hg giao cho, A chiếm đoạt để trả nợ khoản vay cũ rồi vay 02 khoản mới với tổng số tiền là 1.305.000.000 đồng. Sau đó, A mang "*Hợp đồng ghi nhớ*" đã ký cùng số tiền 2.000.000.000 đồng đến TPHCM để giao cho H. Sau ngày 24/11/2017, H đưa cho A một bộ "*Hợp đồng ghi nhớ*" gồm 01 bản tiếng Anh, 01 bản tiếng Việt thể hiện Tập đoàn tài chính toàn cầu SBYNA thống nhất cho A vay tiền để triển khai "*Dự án trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi Hạnh Phúc*". Thấy thủ tục được xét duyệt nhanh nên A giao tiếp cho H số tiền 700.000.000 đồng để H lo thủ tục "*Hợp đồng cho vay chính thức*" và giải ngân nguồn tiền trong vòng 01 tháng. Đến ngày 10/03/2018, H thông báo cho A biết Tập đoàn thương mại tài chính toàn cầu SBYNA thay đổi nhân sự cấp cao, đồng ý cho A vay tiền nhưng yêu cầu hồ sơ phải cung cấp "*Quyết định giao đất cho dự án của UBND tỉnh*". A tính toán để được cấp đất dự án thì phải nộp tiền thuê đất cho UBND tỉnh Bình Định khoảng 40.000.000.000 đồng nhưng A không có tiền nên dừng lại, không tiếp tục đề nghị H giúp đỡ giải ngân nguồn vốn vay từ Tập đoàn thương mại tài chính toàn cầu SBYNA. Tổng cộng, A đã giao cho H số tiền 2.700.000.000 đồng. Tuy nhiên, H đã chết vào ngày 16/02/2020, Cơ quan điều tra không làm việc được với H, nên chưa có cơ sở xác định sự thật về lời khai trên của A và cũng không có tài liệu nào chứng minh việc A có giao tiền cho H.

Khoảng tháng 10/2018, A quen biết M Thùy L (SN 1967 - ở 39-40F, cư xá Bà Điểm, ấp Hậu LA, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TPHCM). L giới thiệu cho A biết đang làm dịch vụ đổi tiền "*USD lịch sử, chưa kích hoạt*"…. Cho rằng đây là hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận cao nên A thỏa thuận lãi suất cao, thời gian vay ngắn để vay của Nguyễn Thanh Bình số tiền 3.000.000.000 đồng rồi giao cho L. Tuy nhiên, đến tháng 11/2018 thì M Thùy L bị Công an tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Do đó, A mất luôn số tiền 3.000.000.000 đồng đã giao cho M Thùy L. Hiện nay, H L đang thi hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, qua điều tra M Thùy L không thừa nhận có nhận số tiền mà A giao cho L như lời khai của A và cũng không có tài liệu nào chứng minh việc A có giao tiền cho L. (Bút lục: 113-126, 129-130, 135-205, 351-352, 354-361, 513-526, 850-869)

Đến tháng 06/2019, Trương Hải A không còn khả năng huy động tiền nên cùng gia đình bỏ đi khỏi địa phương đến TPHCM để trốn nợ. Cho đến ngày 29/05/2020

thì A bị bắt theo Quyết định truy nã bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Định.

Trong quá trình điều tra, hiện nay có 05 công dA tố cáo Trương Hải A có hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 6.471.000.000 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm bảy mươi mốt triệu đồng*). Cụ thể như sau:

1. Đối với Huỳnh T Thanh Hg (SN 1970 - ở số 17, đường Phùng Khắc Khoan, phường ĐĐ, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

Khoảng năm 2013, bà Thanh Hg quen biết Trương Hải A.

Do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhA nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Huỳnh T Thanh Hg để đáo hạn nhằm nAg hạn mức vay tại NgA hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định. Sau đó, A gọi điện thoại cho Huỳnh T Thanh Hg, dùng thủ đoạn gian dối thỏa thuận lãi suất vay và thời hạn trả nợ sau 07 ngày để huy động tiền số tiền 600.000.000 đồng. Tin tưởng A nói thật nên Thanh Hg đồng ý cho A vay tiền. Ngày 06/07/2017, Thanh Hg mang số tiền 600.000.000 đồng đến Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo của NgA hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định giao cho A vay. Theo yêu cầu của Thanh Hg, A viết biên nhận và yêu cầu Phan Thị Vũ Vy cùng ký tên để giao cho Thanh Hg. Sau khi nhận tiền do Thanh Hg giao cho, A đã chiếm đoạt để trả khoản vay cũ, tiếp tục vay khoản mới tại NgA hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định để lấy tiền giao cho Nguyễn Văn H. Để tạo niềm tin cho Thanh Hg, mặc dù chưa đến thời hạn trả nợ nhưng ngày 10/07/2017, A đã chủ động gặp và trả cho Thanh Hg số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 12/7/2017 A lại tiếp tục lấy lý do đáo hạn ngA hàng để huy động của Thanh Hg số tiền 150 triệu đồng rồi chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhA. Đến thời hạn, Thanh Hg nhiều lần yêu cầu trả lại tiền nhưng A đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả nợ. Sau đó, A chuyển trả vào tài khoản BIDV của Thanh Hg số tiền 39.000.000 đồng vào ngày 13/03/2018, số tiền 50.000.000 đồng ngày 30/10/2018. Đến tháng 06/2019, Trương Hải A bỏ việc, cùng gia đình rời khỏi địa phương, không cho Thanh Hg biết đi đâu, làm gì. Do đó, ngày 05/9/2019 Huỳnh T Thanh Hg làm đơn tố cáo hành vi của Trương Hải A đến Cơ quan điều tra. Hiện nay, A còn chiếm đoạt của Huỳnh T Thanh Hg số tiền 561.000.000 đồng (Bút lục: 222 - 237).

2. Võ Công Toàn (SN 1974 - ở An Lạc 2, Mỹ Hòa, Phù Mỹ, Bình Định).

Võ Công Toàn có quan hệ họ hàng với Phan Thị Vũ Vy (vợ A).

Vào ngày 29/01/2018, vợ chồng A về dự "chạp mã" tại xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ thì gặp Toàn. Trong lúc nói chuyện, A cho Toàn biết đang làm thêm hoạt động kinh doanh bất động sản và thu được lợi nhuận cao. Thấy Toàn quan tâm nên A nảy sinh ý định và lấy lý do kêu gọi góp vốn kinh doanh bất động sản để huy

động tiền của Võ Công Toàn, nhằm chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhA. Để Toàn tin tưởng hoạt động kinh doanh bất động sản là thật, A đề nghị Toàn đến Q trực tiếp xem các "dự án" rồi quyết định góp vốn kinh doanh.

Sau đó, Toàn đến Q gặp A. Lúc này, A chở Toàn đến khu đất biệt thự thuộc dự án tái định cư Đê đông (phường Nhơn Bình, thành phố Q) và cho Toàn biết A đang kinh doanh mua bán khu đất này với giá mua vào và bán ra của mỗi lô đất đều thu lợi ít nhất là 3.000.000 đồng/m^2. Đồng thời, A thỏa thuận sẽ chia lợi nhuận cho Toàn theo tỷ lệ góp vốn. Vì trước đó A và Toàn ít gặp nhau nên A sợ Toàn không mạnh dạn giao tiền. Do đó, A đề nghị Toàn giao tiền góp vốn cho Phan Thị Vũ Vy để Toàn an tâm.

Tin tưởng hoạt động kinh doanh như A nói là thật nên Toàn đồng ý góp vốn cùng A kinh doanh mua bán đất tại khu biệt thự thuộc dự án tái định cư Đê đông. Sau đó, Toàn nhiều lần giao tiền cho A với tổng số tiền 1.510.000.000 đồng, bằng các hình thức: Ngày 31/01/2018 giao tiền mặt trực tiếp cho Vy số tiền 260.000.000 đồng, ngày 09/03/2018 nộp tiền mặt vào tài khoản ngA hàng Đông Á của Vy số tiền 300.000.000 đồng. để Vy giao cho A. Nộp tiền mặt vào tài khoản Vietcombank của A số tiền 300.000.000 đồng ngày 10/04/2018, số tiền 650.000.000 đồng ngày 09/05/2018.

Sau khi nhận tiền do Toàn giao cho, A chiếm đoạt để trả nợ cho Trần Thị Thảo (qua tài khoản Dương Văn Minh), Nguyễn Hữu An, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần XuA Hạnh và sử dụng mục đích cá nhA khác chứ không kinh doanh mua bán đất tại khu biệt thự thuộc dự án tái định cư Đê đông như đã nói với Toàn.

Đến khoảng tháng 05/2019, Toàn yêu cầu trả lại số tiền 300.000.000 đồng nhưng A lúc này không có tiền để trả nợ. Do Toàn cũng phải đi huy động tiền của nhiều người khác để đưa cho A, nên những người đã cho Toàn vay cũng yêu cầu Toàn trả nợ. Do đó, ngày 16/05/2019, Toàn đến nhà A để yêu cầu A viết biên nhận thể hiện đã nhận số tiền do Toàn giao cho A để đem về làm tin đối với những người đã cho Toàn vay tiền. Lúc này, A không có nhà nên A gọi điện thoại bảo Phan Thị Vũ Vy viết thay cho A giấy mượn tiền với nội dung thể hiện vợ chồng A mượn của vợ chồng Toàn số tiền 1.860.000.000 đồng (bao gồm cả tiền lãi sẽ trả cho Toàn), cam kết đến ngày 30/6/2019 sẽ trả đủ.

Đến tháng 06/2019, Trương Hải A bỏ việc, cùng gia đình rời khỏi địa phương, không cho Toàn biết đi đâu, làm gì. Do đó, ngày 02/06/2020 Võ Công Toàn làm đơn tố cáo hành vi của Trương Hải A đến Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, A khai nhận diễn biến sự việc như trên và xác định hiện nay còn chiếm đoạt của Võ Công Toàn số tiền 1.510.000.000 đồng (Bút lục: 225 - 256).

3. Đối với Trần Thị Dung (SN 1979 - ở số 106, đường Bùi XuA Phái, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

Khoảng giữa năm 2017, Dung quen biết Trương Hải A.

Do cần tiền để trả nợ nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Trần Thị Dung. Khoảng đầu tháng 02/2018, A chủ động gọi điện thoại mời Dung đến cafe "*Hội quán*" (đường Lê Hồng Phong, TP. Q) để uống nước. Tại đây, A nói với Dung: "*Xếp của anh đang bán cho anh thửa đất: Lô số 9, tờ bản đồ số 2, diện tích 300m2, đường A5, Khu tái định cư Đê Đông, P. Nhơn Bình, TP. Q, giá bán 13 triệu đồng/1m^2 và hiện nay anh đang có đầu ra là 16 triệu đồng/1m^2*" và kêu gọi Dung hợp tác đầu tư cùng A và bạn bè của A để mua bán lô đất này. Sau đó, A đưa Dung đến chỉ vị trí lô đất số 09 tại Khu tái định cư Đê Đông, P. Nhơn Bình, TP. Q. Tin tưởng A nói thật nên khoảng 15^{h}00 ngày 11/02/2018, khi A tiếp tục gọi điện thoại kêu gọi góp vốn đầu tư thì Dung đồng ý giao cho A số tiền 800 triệu đồng. Đến khoảng 19^{h}00 cùng ngày, A đến nhà Dung và đưa 01 tờ giấy biên nhận đã viết trước, đề ngày 11/02/2018 có nội dung thể hiện: *Trương Hải A có nhận của Trần Thị Dung số tiền 800 triệu đồng để hợp tác đầu tư mua thửa đất số 9 khu tái định cư của tỉnh, thời gian hoàn trả (gốc và lãi) khoảng 02 tháng*. Do đó, ngày 12/02/2018 Dung đến Phòng giao dịch H Vương thuộc NgA hàng Vietcombank - Chi nhánh Q nộp vào tài khoản Vietcombank của A số tiền 800 triệu đồng.

Sau khi nhận tiền của Dung giao cho, A dùng để trả nợ cho Huỳnh Ngọc Hoanh (thông qua tài khoản của Trần Thị Luận), Đặng Thị Thanh Đào, Huỳnh Thị Hồng Điệp, Nguyễn Thị Phương Hòa và sử dụng vào mục đích cá nhân khác, chứ không dùng để mua lô đất số 09, Khu tái định cư Đê Đông, P. Nhơn Bình, TP. Q như đã hứa hẹn khi huy động tiền của Dung.

Quá thời hạn trả lại tiền góp vốn như thỏa thuận, Dung nhiều lần gọi điện đòi lại tiền nhưng A đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả nợ. Đến ngày 01/02/2019, A gặp Dung và tự viết cam kết đến trước ngày 08/3/2019 sẽ thanh toán lại cho Dung số tiền góp vốn đầu tư cộng với lãi là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận trả nợ, Trương Hải A bỏ việc và cùng gia đình rời khỏi địa phương, không cho Dung biết đi đâu, làm gì. Do đó, ngày 01/06/2019 Trần Thị Dung làm đơn tố cáo Trương Hải A đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng đến Cơ quan điều tra (Bút lục: 242 - 253)

4. Đối với Trần Thị Bạch M (SN 1977 - ở số 10, đường Lê Thánh Tôn, TP Q, Bình Định).

Từ đầu tháng 04/2018, A quen biết Trần Thị Bạch M.

Do cần tiền trả nợ, A dùng thủ đoạn gian dối kêu gọi góp vốn đầu tư mua bán bất động sản để huy động của M số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận trả lại sau 02 tháng, với lợi nhuận được hưởng là 200.000.000 đồng. Tin tưởng A nói thật nên ngày 02/4/2018 M giao số tiền 1.000.000.000 đồng, bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản Vietcombank của A. Sau khi nhận tiền của M giao cho, A không kinh doanh gì cả mà chiếm đoạt để trả nợ cá nhA. Đến tháng 06/2018, A huy động tiền của người khác trả lại cho M số tiền 1.000.000.000 đồng bằng hình thức giao tiền mặt. Đồng thời, ngày 11/06/2018 A chuyển vào tài khoản Vietcombank của M số tiền 200.000.000 đồng và nói là tiền lợi nhuận được hưởng.

Đến khoảng ngày 10/11/2018, A nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của M để trả nợ. Do đó, A đưa ra thông tin gian dối là đang mua lô đất 400m^2 khu Điện Biên Phủ và đã có "*đầu ra*" để huy động M số tiền 2.000.000.000 đồng, với thỏa thuận thu hồi vốn góp sau 01 tháng, lợi nhuận được hưởng là 400.000.000 đồng. Tin tưởng A nói thật M đồng ý. Ngày 19/11/2018, A cùng M đến Văn phòng công chứng Thanh Bình làm Hợp đồng vay tài sản số tiền 2.000.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 19/11/2018, mục đích vay là để kinh doanh. Tiếp đó, M đến NgA hàng Nam Á rút tiền mặt số tiền 2.000.000.000 đồng giao cho A. Sau khi nhận tiền do M giao cho, A không kinh doanh gì cả mà sử dụng để trả nợ cá nhA. Đến thời hạn thỏa thuận, A không trả nợ mà tiếp tục cam kết "*Sau khi hợp đồng hoàn thành, anh A sẽ chuyển lại cho Trần Thị Bạch M số tiền 2.500.000.000 đồng*". Tuy nhiên, đến nay A chưa trả lại bất kỳ khoản nào cả. Do đó, Trần Thị Bạch M làm đơn tố cáo hành vi của Trương Hải A đến Cơ quan điều tra và xác định hiện nay A còn chiếm đoạt số tiền 1.800.000.000 đồng (Bút lục: 280 - 296).

5. Đối với Bùi Văn Tiến (SN 1971 - ở số nhà 96/14, đường Lương Định Của, phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa).

Khoảng giữa năm 2017, thông qua bạn bè A quen biết Bùi Văn Tiến tại TPHCM. Khoảng đầu năm 2019, cũng là thời điểm gần Tết nguyên đán, A phải hoàn trả tiền gốc và lãi vay cho nhiều người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Bùi Văn Tiến để trả nợ. Vào khoảng trưa ngày 17/01/2019, A đến công ty của Tiến tại địa chỉ số 262, đường Huỳnh Văn Bánh, quận Phú Nhuận, TPHCM. Khi gặp nhau, A đưa thông tin đang mua bán 01 lô đất ở thành phố Q để huy động của Tiến số tiền 2.000.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian sau 02 tuần sẽ trả lại tiền gốc và chi trả thêm số tiền 400.000.000 đồng lợi nhuận thu được. Đồng thời, A đề nghị nếu Tiến đồng ý cho vay tiền thì cùng A đến Văn phòng công chứng làm Hợp đồng vay tiền. Tin tưởng A nói thật nên Tiến đồng ý cho A vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Theo đề nghị của A, cả hai đến Văn phòng công chứng Lê Thị Phương Liên (số 212,

đường Phan Đình Phùng, quận Phú Nhuận, TPHCM) làm Hợp đồng vay tiền, với nội dung thỏa thuận thời gian vay là 15 ngày kể từ ngày 17/01/2019, mục đích vay để kinh doanh. Cùng ngày, Tiến chuyển vào tài khoản Vietcombank của A số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền do Tiến giao cho, A sử dụng vào mục đích cá nhA và trả nợ cho Trần Thị Hằng (chuyển qua tài khoản của Vy để Vy chuyển cho Hằng), Đặng Thị Thanh Đào, Trần Thị Thảo (thông quan tài khoản Dương Văn Minh), Nguyễn Hữu An, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Phương Hòa, Nguyễn Văn Sông, Phạm Minh Vỹ, Vũ Thị Thủy chứ không kinh doanh gì.

Khi đến thời hạn, A không thực hiện như thỏa thuận. Sau đó, Tiến nhiều lần đòi lại tiền nhưng A không trả. Đến ngày 18/04/2019, A trả cho Tiến số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank của Tiến, còn chiếm đoạt 1.800.000.000 đồng. Do đó, ngày 12/6/2020 Bùi Văn Tiến làm đơn tố cáo hành vi của Trương Hải A đến Cơ quan điều tra và xác định hiện nay A còn chiếm đoạt số tiền 1.800.000.000 đồng (Bút lục: 277 - 288).

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 26/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Bình Định truy tố Trương Hải A về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Bình Định giữ quyền công tố luận tội:

+ Trong khoảng thời gian từ ngày 06/07/2017 đến ngày 17/01/2019, A đã dùng các thủ đoạn nêu trên để huy động sau đó chiếm đoạt của 05 cá nhA tổng cộng số tiền: 6.471.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.* Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Hải A về tội danh nêu trên.

Trong vụ án này, bị cáo lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội và hành vi phạm tội diễn ra trong thời gian dài (1,5 năm), số tiền bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn (6.471.000.000 đồng), do đó cần phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác; trong giai đoạn xét xử đã tự nguyện nộp 19.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Hải A từ 11 năm đến 12 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

+ Về dâ sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Trương Hải A bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Luật sư Nguyễn Thế Vũ bào chữa cho bị cáo Trương Hải A: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, bị cáo A cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS là bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, bị cáo thành khẩn khai báo và cũng đã nộp 19.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét xử phạt giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp nhất có thể.

Bị cáo không tự bào chữa và tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về chăm sóc mẹ già và có thể làm để trả nợ cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhâ dâ tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Hải A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian giữ chức Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định, Trương Hải A nợ tiền ngA hàng và nợ vay của nhiều cá nhân với số tiền khoảng 4.500.000.000 đồng, trong đó tiền lãi phải trả hàng tháng khoảng 230.000.000 đồng. Lúc này, A hoàn toàn mất khả năng trả nợ. Do đó để có tiền trả nợ, A đã nảy sinh ý định đi vay tiền của người khác bằng cách đưa thông tin gian dối như: *Vay tiền để đáo hạn ngA hàng; Kêu gọi góp vốn đầu tư mua bán bất động sản; Lấy lý do vay tiền kinh doanh bất động sản* để cho họ tin tưởng giao tiền cho A. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/07/2017 đến ngày 17/01/2019, A đã dùng các thủ đoạn nêu trên để huy động sau đó chiếm đoạt của 05 cá nhA tổng cộng số tiền: 6.471.000.000 đồng; trong đó: Huỳnh T Thanh Hg 561.000.000 đồng; Trần Thị Dung 800.000.000 đồng; Võ Công Toàn 1.510.000.000 đồng; Trần Thị Bạch M 1.800.000.000 đồng; Bùi Văn Tiến 1.800.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền do các bị hại giao cho, Trương Hải A không đúng cam kết như đã thỏa thuận với các bị hại mà dùng để trả nợ cho những khoản vay trước đó và sử dụng vào mục đích cá nhA.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, với tình tiết *"Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên"* được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định viện dẫn, truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo Trương Hải A gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân và làm mất uy tín khi là một cán bộ lãnh đạo một cơ quan nhà nước nói riêng. Do đó, cần phải xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra; có như vậy mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội gia đình bị cáo tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại với số tiền 19.000.000 đồng.

Đồng thời, quá trình công tác bị cáo được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Bị cáo Trương Hải A lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, do đó để thể hiện chính sách nhA đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[6]. Về trách nhiệm dA sự:

Bị cáo Trương Hải A đã vay và chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại với số tiền 6.471.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo phải trả cho các bị hại 6.471.000.000 đồng, cụ thể:

1. Huỳnh T Thanh Hg : 561.000.000 đồng;

2. Võ Công Toàn: 1.510.000.000 đồng;

3. Trần Thị Dung: 800.000.000 đồng;

4. Trần Thị Bạch M: 1.800.000.000 đồng;

5. Bùi Văn Tiến: 1.800.000.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 19.000.000 đồng bị cáo Trương Hải A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 09669 ngày 24/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với các trường hợp: Cao Thị Kim Quy, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Tuyết M, Ngô Lệ Hoa gởi đơn tố cáo Trương Hải A đã có hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 15.512.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, các công dân trên đã có đơn bãi nại rút lại toàn bộ nội dung tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Trương Hải A. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định không giải quyết trong vụ án này.

Đối với trường hợp của Trương Văn Năm, sinh năm 1952 - ở số 11, đường Tô Ngọc VA, phường GR, thành phố Q, tỉnh Bình Định tố cáo sự việc Trương Hải A không thanh toán đủ số tiền thỏa thuận mua nhà nghỉ Thiên Phúc, còn chiếm đoạt của ông Năm 1.110.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc Trương Hải A chưa trả số tiền còn nợ Trương Văn Năm khi mua nhà nghỉ Thiên Phúc, thì đây là tranh chấp dA sự, không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với Phan Thị Vũ Vy là vợ của Trương Hải A, trong quá trình chung sống, thời gian trước đó Vy thấy A có mua bán bất động sản, tuy không theo dõi để biết cụ thể việc làm này của A nhưng Vy tin tưởng A có hoạt động kinh doanh bất động sản. Bản thân Vy không biết sự việc A vay nợ của nhiều cá nhân. Do đó, khi Vy nghe A huy động Võ Công Toàn góp vốn đầu tư mua bán đất đai để được chia lợi nhuận thì hoàn toàn tin tưởng là thật nên ủng hộ Toàn tham gia cùng A. Sau đó, khi A yêu cầu Vy trực tiếp nhận tiền góp vốn do Toàn giao cho rồi giao lại để A kinh doanh mua bán đất đai thì Vy cũng hoàn toàn tin tưởng, không có ý kiến gì. Thực tế Vy đã nhận tiền mặt do Toàn giao trực tiếp và Toàn chuyển vào tài khoản với tổng số tiền 560.000.000 đồng. Sau đó, Vy đều giao lại cho A. Khi Vy viết giấy xác nhận nợ lập ngày 16/5/2019 giao cho Võ Công Toàn chỉ với mục đích xác nhận giúp cho A đã nhận số tiền 1.510.000.000 đồng của Toàn giao cho. Xét thấy, Phan Thị Vũ Vy không có sự bàn bạc, không biết trước Trương Hải A có ý định gian dối chiếm đoạt tài sản của Võ Công Toàn, không ý thức rõ của việc giúp sức cho A phạm tội. Đồng thời, Vy cũng không hưởng lợi gì từ số tiền mà A đã chiếm đoạt của Võ Công Toàn. Do đó, hành vi của Phan Thị Vũ Vy chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cùng Trương Hải A với vai trò đồng phạm.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo không được áp dụng Điều 54 của BLHS.

[9]. Ý kiến của người bào chữa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo cũng không được áp dụng Điều 54 của BLHS.

[10]. Về án phí:

Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo Trương Hải A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Hải A phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Hải A 12 *(Mười hai)* năm về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 29/5/2020.

-Về dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 463, 466 BLDS. Buộc bị cáo Trương Hải A phải trả cho các bị hại như sau:

1. Huỳnh T Thanh Hg : 561.000.000 đồng;

2. Võ Công Toàn: 1.510.000.000 đồng;

3. Trần Thị Dung: 800.000.000 đồng;

4. Trần Thị Bạch M: 1.800.000.000 đồng;

5. Bùi Văn Tiến: 1.800.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo Trương Hải A phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 114.471.000 đồng *(Một trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi mốt ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 19.000.000 đồng bị cáo Trương Hải A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 09669 ngày 24/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo việc thi hành án.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1 Kể từ ngày bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2 Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 TANDTC;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV& THAHS tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh T